

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE
Bản án số: 16/2023/HNGĐ-PT
Ngày 11 – 5 – 2023
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lương

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Ông Phạm Văn Ngọt

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thiên Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xa Riêng – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2022/TLPT-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 174/2022/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 894/2022/QĐPT-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phan Thùy Dương E, sinh năm: 1994.

Địa chỉ: 1 ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Đinh Thị Bé M – Luật sư của Chi nhánh Văn phòng Luật sư Đinh Mười .

- Bị đơn: Anh Nguyễn Chí T, sinh năm: 1996.

Địa chỉ: A ấp B, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Phạm Thị Kim T1 – Luật sư Văn phòng L thuộc đoàn Luật sư tỉnh B.

Người làm chứng do bị đơn triệu tập: Bà Trương Thị N, sinh năm: 1962.
Địa chỉ: Ấp B, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Phan Thùy Dương E1.

(tất cả có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Phan Thùy Dương E trình bày:

Sau thời gian tìm hiểu, chị và anh T tiến đến hôn nhân, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn vào ngày 10/10/2019 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre. Hôn nhân do cả hai tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị sống hạnh phúc tại nhà anh T ở xã C. Gần đây, vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, tranh cãi dẫn đến không hạnh phúc, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, anh T đánh đập, chửi bới chị nên ngày 07/6/2022, chị về nhà cha mẹ ruột ở huyện T ở vài ngày. Sau đó, chị lên khu công nghiệp G làm công nhân may. Từ đó, chị và anh T sống không sống chung nữa, không ai quan tâm ai, mạnh ai nấy sống. Chị Dương E nhận thấy không thể tiếp tục sống cùng anh T được nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị và anh T có 01 người con chung là Nguyễn Chí T2, sinh ngày 02/08/2020. Từ khi sinh cháu T2, chị là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con. Ngày chị bỏ nhà đi, gia đình anh T ngăn cản không cho chị đem con theo (lúc này con được 23 tháng tuổi). Do đó, cháu T2 vẫn đang sống với gia đình anh T. Thời gian ly thân, nhiều lần chị đến thăm con nhưng bị gia đình anh T ngăn cản, gây khó khăn. Khi ly hôn, chị có yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Nguyễn Chí T trình bày:

Anh và chị Dương E kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C. Vợ chồng chung sống hạnh phúc với cha mẹ anh ở C. Gần đây, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hợp nhau, hay cự cãi. Chị Dương E đã bỏ nhà đi từ ngày 07/6/2022 đến nay. Trước yêu cầu khởi kiện của chị Dương E, anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị Dương E có 01 con chung tên Nguyễn Chí T2, sinh ngày 02/08/2020. Từ khi sinh ra, cháu T2 sống cùng với vợ chồng anh ở nhà cha mẹ ruột anh. Những khi anh T đi làm thuê, làm mướn kiếm tiền sinh sống nuôi vợ con thì chị Dương E là người trực tiếp chăm sóc con. Sau lần cãi nhau, ngày 07/6/2022, chị Dương E ra đi bỏ con lại cho anh, anh và cha mẹ anh đã nuôi dưỡng, chăm sóc cháu T2 đến nay. Hiện tại, cháu T2 phát triển tốt về mọi mặt và đã ổn định cuộc sống nên anh T không đồng ý giao con cho chị Dương E trực tiếp nuôi. Anh T yêu cầu được tiếp tục nuôi con đến khi 18 tuổi, không yêu cầu chị Dương E cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 96/2022/HNGĐ-ST ngày 23 tháng 9 năm 2022, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, quyết định:

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228, Điều 147, Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phan Thùy Dương E1 và anh Nguyễn Chí T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Chí T2, sinh ngày 02/08/2020 cho anh Nguyễn Chí T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Ghi nhận anh T không yêu cầu chị Dương E1 cấp dưỡng nuôi con.

Chị Dương E1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi việc cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc của cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phan Thùy D Em và anh Nguyễn Chí T khai không có tài sản chung, nợ chung.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04/01/2023, nguyên đơn chị Phan Thùy D Em kháng cáo về vấn đề con chung; chị yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng cho chị được quyền trực tiếp nuôi con chung là cháu Nguyễn Chí T2, sinh ngày 02/8/2020, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Chị Dương E1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng giao con chung cháu Nguyễn Chí T2, sinh ngày 02/08/2020 cho chị Dương E1 trực tiếp chăm sóc, bởi chị cho rằng hiện tại anh T đi làm xa không có điều kiện để gần gũi chăm sóc cháu T2. Bị đơn anh Nguyễn Chí T không đồng ý với kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phát biểu:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 174/2022/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng. Xét kháng cáo của nguyên đơn Phan Thùy Dương E1 và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre. Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng: Nguyên đơn Phan Thùy D Em kháng cáo và thực hiện các thủ tục kháng cáo hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[1] Chị Phan Thùy Dương E1 và anh Nguyễn Chí T tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Chị Dương E1. Tuy nhiên, sau thời gian chung sống thì anh T thừa nhận những mâu thuẫn phát sinh trong quan hệ hôn nhân của anh chị và hiện đã ở mức trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; anh chị đều thống nhất ly hôn. Vì vậy, cấp sơ thẩm ghi nhận sự thuận tình ly hôn của chị D và anh T là phù hợp; ghi nhận về phần tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét. Tuy nhiên, đối với quyết định của cấp sơ thẩm về con chung thì nguyên đơn chị Dương E1 không đồng ý nên có kháng cáo.

[2] Xét kháng cáo của chị Dương E1 về phần con chung thấy rằng: Chị Dương E1 và anh T có 01 người con chung là cháu Nguyễn Chí T2, sinh ngày 02/08/2020, hiện đang sống chung với anh T.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 *“Con dưới 36 tháng tuổi phải giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”*.

Căn cứ vào hồ sơ vụ án thể hiện: Chị Dương E1 và anh T thường tranh cãi về vấn đề tiền bạc, anh T là người sống hòa đồng, chịu khó làm ăn, tính nóng nhưng dễ nguôi, thật thà, rất thương và nhường nhịn vợ; chị Dương E1 tính tình bất thường, nói năng thô lỗ, văng tục, trong cư xử với những người xung quanh và cha mẹ chồng không có chừng mực. Chị giận chồng đánh lầy con bất kể giờ giấc nên gây mất trật tự địa phương, từ đó thể hiện tính cách của chị chưa đảm bảo để nuôi dạy con chung.

Sau khi gây cãi với anh T, chị Dương E1 tự ý về nhà cha mẹ ruột sinh sống, bỏ con lại cho anh T nuôi dưỡng, gia đình anh T không có ngăn cản, đe dọa chị Dương E1 mang con đi. Cháu T2 rất mến bà nội, theo bà nội, mỗi khi đề cập đến mẹ cháu thì cháu tỏ ra sợ hãi, cháu T2 hiện tại vẫn khỏe mạnh, hoạt bát, được

chăm sóc gọn gàng, sạch sẽ... Ngoài ra, anh T có thu nhập cao hơn chị Dương E1, điều kiện kinh tế gia đình anh T khá giả, mẹ anh T (bà Lê Thị T3) còn khỏe, chỉ chăm sóc một mình cháu T2 nên bà chăm sóc cháu kỹ lưỡng và chu đáo, từ đó có thể hỗ trợ cho anh T trông nom, chăm sóc cháu T2 những khi anh T đi làm. Trường hợp chị Dương E1 nuôi con thì chị cũng không trực tiếp chăm sóc cháu thường xuyên do hiện nay chị cũng đi làm không thường ở nhà.

Nhận thấy chị Dương E1 không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; từ lúc sinh ra đến nay, cháu T2 đều sống bên nhà nội cùng với cha mẹ. Khi chị Dương E1 bỏ đi, anh T và bà nội cháu T2 là người trực tiếp nuôi cháu T2, đảm bảo cháu vẫn phát triển tốt về mọi mặt, cháu đã quen với điều kiện, môi trường sống gia đình anh. Do đó để tránh gây xáo trộn cuộc sống bình thường của cháu, cần giao cháu T2 cho anh T tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận anh T không yêu cầu chị Dương E1 cấp dưỡng nuôi con.

Từ những phân tích trên thấy rằng kháng cáo của chị Dương E1 là không có căn cứ nên không được chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm đã tuyên là phù hợp.

[3] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Đoàn Thị H phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Phan Thùy Dương E;

Giữ nguyên quyết định Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 174/2022/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228, Điều 147, Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phan Thùy Dương E1 và anh Nguyễn Chí T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Chí T2, sinh ngày 02/08/2020 cho anh Nguyễn Chí T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Ghi nhận anh T không yêu cầu chị Dương E1 cấp dưỡng nuôi con.

Chị Dương E1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi việc cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc của cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phan Thùy D Em và anh Nguyễn Chí T khai không có tài sản chung, nợ chung.

4. Về án phí:

4.1 Án phí sơ thẩm: Chị Phan Thùy D Em phải chịu 75.000 (Bảy mươi lăm nghìn) đồng án phí án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0008291 ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm. Trả lại chị Dương E1 225.000 (Hai trăm hai mươi lăm nghìn) đồng.

Anh Nguyễn Chí T phải chịu 75.000 (Bảy mươi lăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phan Thùy D Em phải chịu là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000080 ngày 12 tháng 01 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Bà Dương E1 đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THAHS tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ TÊN VÀ ĐÓNG DẤU)

Nguyễn Hữu Lương

